

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 24/2025/HN-ST
Ngày: 12/02/2025
V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG
*Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Nguyễn Văn Cường

+ Ông Phạm Thành Công

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Đông tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 271/2024/TLST-HN ngày 08/11/2024 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 302/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/12/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 16/01/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Lê Công H, sinh năm xxxx (xin vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh T.

2. Bi đơn: Trần Thị Yến T, sinh năm xxxx (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp C, xã T, huyện G, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Lê Công H trình bày:** anh và chị T kết hôn với nhau vào năm 2014 do hai bên tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Đông. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, chị T bỏ ra sống riêng. Anh và chị T không còn chung sống với nhau từ năm 2024 đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn lại được nữa nên anh xin được ly hôn với chị T.

+ Về con chung: Có 03 con chung tên Lê Thị Thái A, sinh ngày xx/xx/xxxx; Lê Thị Thái D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày xx/xx/xxxx. Hiện con đang sống với anh. Khi ly hôn anh yêu cầu được các nuôi con, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn chị Trần Thị Yến T đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu xin ly hôn của anh H.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Anh H yêu cầu ly hôn với chị T và yêu cầu được tiếp tục nuôi con tên Lê Thị Thái A, sinh ngày xx/xx/xxxx; Lê Thị Thái D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày xx/xx/xxxx, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con là có cơ sở chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét toàn diện chứng cứ và ý kiến của các đương sự:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh H xin ly hôn với chị T nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ đang tranh chấp là “xin ly hôn”. Bị đơn chị Trần Thị Yến T trú tại địa chỉ: ấp Chùa Đất Đỏ, xã Tân Đông, huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Nguyên đơn anh Lê Công H có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Trần Thị Yến T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh H và chị T theo quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của anh H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh H xin ly hôn với chị T do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hợp nhau, chị T bỏ ra sống riêng. Anh H và chị T có thời gian ly thân từ năm 2024 đến nay, trong thời gian ly thân cả hai đều không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm với nhau. Chị T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị T vẫn không đến để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu ly hôn của anh H, chứng tỏ chị T không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng với anh H. Xét thấy, mâu thuẫn giữa anh H và chị T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh H yêu cầu ly hôn với chị T là có căn cứ chấp nhận.

- Về con chung: có 03 chung tên Lê Thị Thái A, sinh ngày xx/xx/xxxx; Lê Thị Thái D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày xx/xx/xxxx. Khi ly hôn anh H yêu cầu được tiếp tục nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy cháu A, cháu D và cháu G hiện đang sống ổn định với anh H. Chị T không có ý kiến gì về việc yêu cầu của anh H được tiếp tục nuôi dưỡng các con nên Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu A, cháu D và cháu G cho anh H nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, anh H không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Anh H trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát.

[5] Về án phí: do anh H là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên anh H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 277, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Công H.

[1] Về hôn nhân: anh Lê Công H được ly hôn với chị Trần Thị Yến T.

[2] Về con chung: Giao con chung tên Lê Thị Thái A, sinh ngày xx/xx/xxxx; Lê Thị Thái D, sinh ngày xx/xx/xxxx và Lê Thị Cẩm G, sinh ngày xx/xx/xxxx cho anh Lê Công H tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi lao động được. Chị Trần Thị Yến T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H và chị T có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

Vì lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con hoặc có sự thay đổi khác.

[3] Về án phí: anh Lê Công H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0013724 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Đông nên anh H đã nộp xong án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Đông;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Đông;
- UBND xã Tân Đông;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Nguyễn Văn Nguyên